

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **117/2025/DS-ST**
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên và ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn MTV S)

Trụ sở: Số G L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV S1 (theo văn bản ủy quyền số 1078/2025/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2025)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Trường T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV S1 – chi nhánh A; Địa chỉ: Số A Quốc lộ I, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Trung H1; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TNHH MTV S1 – chi nhánh A; Địa chỉ: số A H, khóm E, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo quyết định ủy quyền ngày 04/3/2025 của Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV S1 – chi nhánh A). ĐT: 0918.547.537 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Đ1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số D ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Thế L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số D ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2019, bà Lê Thị Ngọc Đ1 có ký hợp đồng tín dụng số 00855402/0137581501T19051 với Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh A (được viết tắt Ngân hàng) để vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn: từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/02/2020; Lãi suất trong hạn: 12%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/02/2019 đến ngày 13/12/2024, bà Lê Thị Ngọc Đ1 chỉ trả được tổng số tiền: 10.850.000 đồng, trong đó: Vốn gốc: 9.311.538 đồng; Lãi vay trong hạn: 1.538.462 đồng.

Do bà Lê Thị Ngọc Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 02/02/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/12/2024, bà Lê Thị Ngọc Đ1 còn nợ: 21.633.517 đồng, trong đó: Vốn gốc: 10.688.462 đồng; Lãi vay trong hạn: 861.538 đồng; L1 vay quá hạn: 10.083.517 đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng bà Đ1 và ông Bùi Thế L là vợ chồng, đồng thời, tại đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/02/2019 ông Bùi Thế L đã ký tên xác nhận.

Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Đ1 và ông Bùi Thế L cùng có trách nhiệm trả tổng số nợ: 20.335.488 đồng (tạm tính đến ngày 28/4/2025) và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 đến ngày bà Lê Thị Ngọc Đ1 và ông Bùi Thế L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay ngày 01/02/2019.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế L có đơn xin vắng mặt nhưng có trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải như sau:

Trước đây, ông Bùi Thế L là chồng của bà Đ1, hiện nay, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, thành

phố Cần Thơ. Sau khi ly hôn, ông L và bà Đ1 không liên lạc với nhau nên không biết bà Đ1 đang ở đâu, làm gì.

Tuy nhiên, ông L thừa nhận vào ngày 01/02/2019, bà Lê Thị Ngọc Đ1 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh A (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) để vay số tiền 20.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn mua bán và ông cũng ký xác nhận vào đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn; quá trình thực hiện ông bà đã trả cho Ngân hàng được 10.850.000 đồng. Đối với số tiền còn nợ lại Ngân hàng thì ông sẽ có trách nhiệm trả, nhưng hiện do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, phải nuôi con ăn học nên ông đề nghị được trả dần trong thời hạn một năm và đề nghị Ngân hàng giảm lãi suất cho ông.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S1 (viết tắt V) khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Đ1 và ông Bùi Thế L trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 13, mục 13.1 của hợp đồng tín dụng được các bên ký kết đã thỏa thuận nếu các bên có phát sinh tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là nơi Ngân hàng TMCP Đ2 – chi nhánh A đặt trụ sở giao dịch nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bà Lê Thị Ngọc Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa; ông Bùi Thế L có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Đ1 và ông L là phù hợp.

[1.3] Về việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của V: Khoản vay bà Đ1, ông L có nghĩa vụ trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 00855402/0137581501T19051 ngày 01/02/2019 và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/02/2019.

Đến ngày 17/01/2025 Ngân hàng N có Quyết định số 116/QĐ-NHNN, về việc chuyển giao bắt buộc Ngân hàng TMCP Đ2 cho Ngân hàng TMCP Phát triển

thành phố H. Đến ngày 14/02/2025 Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng N có Quyết định số 42/QĐ-TTGSNH2 đổi tên Ngân hàng TMCP Đ2 thành Ngân hàng TNHH MTV S.

Ngân hàng TNHH MTV S là bên được Ngân hàng TMCP Đ2 chuyển giao quyền yêu cầu đối với hợp đồng nêu trên theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng TNHH MTV S kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Đ2 đối với hợp đồng tín dụng mà bà Đ1 ký với Ngân hàng TMCP Đ2.

[1.4] Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) có người đại diện theo ủy quyền Bùi Trung H1, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TNHH MTV S1 – chi nhánh A (theo giấy ủy quyền ngày 04/3/2025) tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Thủ tục ủy quyền phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông H1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 00855402/0137581501T19051 ngày 01/02/2019 và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/02/2019 ký giữa bà Đ1 với Ngân hàng Đ2 – chi nhánh A để yêu cầu bà Đ1, ông L trả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 28/4/2025 là 20.335.488 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.688.462 đồng; nợ lãi trong hạn 861.538 đồng, lãi quá hạn 10.785.488 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Đ1 không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện tại bà đã hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân hàng hay chưa. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng hôn nhân giữa bà Đ1 và ông L đang còn tồn tại và tại đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/02/2019 ông Bùi Thế L đã ký tên xác nhận. Điều này cũng được ông L thừa nhận về quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng, số tiền còn nợ Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp yêu cầu buộc bà Đ1, ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi (gồm lãi trong hạn và quá hạn) và tiếp tục chịu lãi phát sinh của Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ1, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 157, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 365, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) đối với bà Lê Thị Ngọc Đ1 và ông Bùi Thế L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc Đ1 và ông Bùi Thế L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) tổng số tiền là 20.335.488 đồng (*hai mươi triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng*) (tạm tính đến ngày 28/4/2025), trong đó: nợ gốc 8.688.462 đồng (*tám triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*), lãi trong hạn 861.538 đồng (*tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*); lãi quá hạn: 10.785.488 đồng (*mười triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 29/4/2025 bà Đ1, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí dân sự: Bà Đ1, ông L phải chịu 1.017.000 đồng (*một triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Ngân hàng TMCP Đ2 (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) được nhận lại 540.000 đồng (*năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002119 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung

